

TOÀ ÁN ND HUYỆN YÊN THẾ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36 /2019/DSST

Ngày 05/12/2019

V/v: *Tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ - BẮC GIANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Luyện

- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đỗ Ngọc Thắng.

2. Bà Vũ Thị Thu Ngát.

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Hồng Thảo - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Yên Thế.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 05/12/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2019/TLST-DS ngày 15/10/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST-DS ngày 08/11/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2019/QDDST- DS ngày 25/11/2019, giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Bản ĐV, xã ĐV, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* 1. Anh Lý Văn H, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

2. Chị Hứa Thị V, sinh năm 1976 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Bản ĐV, xã ĐV, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Lưu Thị D, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản ĐV, xã ĐV, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Anh Hoàng Văn T trình bày: Anh làm nghề buôn bán thức

ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm. Vào khoảng năm 2011-2012 anh có bán cám cho Anh Lý Văn H, Chị Hứa Thị V về chăn nuôi theo hình thức trả chậm, có thỏa thuận miệng khi kết thúc mỗi chu kỳ chăn nuôi (mỗi chu kỳ chăn nuôi cám từ 3 đến 4 tháng) anh H, chị V phải thanh toán hết số tiền còn nợ do mua cám Tuy nhiên anh chị H V không thực hiện đúng theo thỏa thuận, đến khoảng năm 2014 chấm dứt việc mua bán cám. Tính đến ngày 05/01/2017 anh chị H V còn nợ vợ chồng anh T số tiền mua cám là: 178.300.000đ và hai bên đã chốt nợ và làm giấy nhận nợ tiền cám ngày 05/01/2017, trong giấy anh H, chị V có hẹn đến ngày 05/12/2017 sẽ trả hết số tiền còn nợ, thỏa thuận lãi suất là 0,75%/ tháng. Nhưng anh T đã đôn đốc thúc giục anh H, chị V trả tiền nhiều lần nhưng đến ngày 31/01/2019 anh H mới trả 30.000.000đ. Số tiền anh H, chị V còn nợ là 148.300.000đ. Nay anh yêu cầu vợ chồng anh H, chị V phải trả anh toàn bộ số nợ gốc là 148.300.000 đồng và tính lãi 0.75%/tháng kể từ ngày 05/01/2017.

Lời khai của bị đơn thể hiện:

Chị Hứa Thị V trình bày: Vào năm 2012 đến năm 2015 vợ chồng chị có chăn nuôi lợn nên có lấy cám của ông Hoàng Văn T và thỏa thuận ông T đầu tư cám chăn nuôi, sau khi chị lấy cám thì ký vào sổ và sau khi bán lợn thì thanh toán tiền. Đến năm 2016 thì không chăn nuôi nữa, đến 05/01/2017 hai bên chốt nợ thì vợ chồng chị còn nợ lại là 178.300.000đ, hẹn đến 05/12/2017 sẽ trả. Đến ngày 31/01/2019 vợ chồng chị đã trả được số tiền gốc là 30.000.000 đồng và còn nợ lại 148.300.000 đồng. Nay anh T yêu cầu vợ chồng anh H, chị V phải trả anh toàn bộ số nợ gốc là 148.300.000 đồng và tính lãi 0.75%/tháng kể từ ngày 05/01/2017. Chị đồng ý trả tiền gốc và lãi.

Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lưu Thị D trình bày: Chị là vợ Anh Hoàng Văn T, việc bán cám cho anh H, chị V chị có cùng tham gia với anh T bán cám. Tính đến hiện tại anh H, chị V còn nợ vợ chồng chị số tiền 148.300.000đ. Chị đồng ý với ý kiến của anh T yêu cầu anh H, chị V phải trả cho anh T toàn bộ số nợ gốc là 148.300.000 đồng và tính lãi 0.75%/tháng kể từ ngày 05/01/2017.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật như xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tranh chấp; đúng tư cách tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ; thủ tục thụ lý vụ án;

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn: Chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa chấp hành đúng quy định tại Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn: Chị V chấp hành đúng với quy định Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự,

tại phiên tòa chấp hành đúng quy định tại Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự; anh H chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chấp hành đúng quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 143; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Xử: buộc anh H, chị V phải thanh toán cho anh T, chị D số tiền gốc là 148.300.000đ và tiền lãi phát sinh với lãi suất 0.75%/tháng kể từ ngày 05/01/2017 là 31.216.500đ.

Miễn án phí cho anh H, chị V

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lý Văn H đã được Tòa án Thông báo Thụ lý, Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H không đến Tòa án làm việc và đã được triệu họp lần thứ 2 nhưng vắng mặt, chị Lưu Thị D có đơn xin vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H, chị D.

[2] Về nội dung: Đối với số tiền gốc 148.300.000đ, anh H, chị V có giao kết hợp đồng mua bán tài sản với anh T, chị D với nội dung anh T, chị D có cung cấp cám chăn nuôi cho anh H, chị V, quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 05/01/2017 hai bên chốt số nợ là 178.300.000đ và đến ngày 30/01/2019 trả được 30.000.000đ và còn nợ lại là 148.300.000đ anh T, chị D, chị V đều thống nhất số nợ này, do đó xác định số nợ gốc của chị V, anh H còn nợ anh T chị D là 148.300.000đ

[3] Đối với tiền lãi: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 05/01/2017 với lãi suất 0,75%/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng căn cứ Khoản 3, Điều 440 Bộ luật dân sự khi bên mua chậm trả nợ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả và việc yêu cầu tính lãi là 0,75%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Vậy thời gian tính lãi từ 05/01/2017 đến 31/01/2019 tính tròn là 24 tháng là: $178.300.000đ \times 0,75\% \times 24 \text{ tháng} = 32.094.000đ$. Vợ chồng anh H, chị V đã trả số tiền lãi là 12.000.000đ do vậy số tiền lãi anh H chị V còn phải trả là $32.094.000đ - 12.000.000đ = 20.094.000đ$.

Đến ngày 31/1/2019 đã trả tiền gốc là 30.000.000đ nên tiền gốc còn lại là 148.3000.000đ; lãi từ 31/01/2019 đến nay tính tròn là 10 tháng là 148.300.000đ x 0,75% x 10 tháng = 11.122.500đ.

Tổng cộng lãi hai giai đoạn là 20.094.000đ + 11.122.500đ = 31.216.500đ.

[4] Về trách nhiệm trả nợ: Anh H, chị V cùng mua thức ăn chăn nuôi, để chăn nuôi phục vụ mục đích kinh tế phát triển chung, do vậy cần buộc anh H, chị V trả nợ cho anh T, chị D khoản nợ gốc là 143.000.000đ và lãi là 31.216.500đ.

[5] Đề đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án cần áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Yêu cầu của anh T là có căn cứ được chấp nhận nên không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/UBTV.

Anh H, chị V là người dân tộc sống vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và thuộc diện hộ nghèo nên theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/UBTV, Tòa án miễn án phí cho anh H, chị V.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016; Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Hoàng Văn T buộc Anh Lý Văn H, Chị Hứa Thị V phải thanh toán cho Anh Hoàng Văn T, chị Lưu Thị D số tiền gốc là 148.300.000đ và lãi là 31.216.500đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Miễn án phí cho Anh Lý Văn H, Chị Hứa Thị V;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Luyện